

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 6 năm 2026

Số: 118/BB-QLKH

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

A. Thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ KH&CN: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ vi sinh trong nâng cao giá trị cây chè theo hướng nông nghiệp hữu cơ, bền vững.

2. Quyết định thành lập Hội đồng: Số 223/QĐ-SKHCN, ngày 28/5/2026 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

3. Địa điểm và thời gian:

- Địa điểm: Phòng Hội trường 1, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh - Số 5, đường Nha Trang, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

- Thời gian: Từ 14h00 đến 15h30, ngày 04/6/2026.

4. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên 07/07 người.
Vắng mặt 0 người, gồm các thành viên:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐ
1	ThS. Hoàng Văn Thiên	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	Chủ tịch
2	TS. Nguyễn Thị Thủy	Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	Phó Chủ tịch
3	TS. Lưu Ngọc Quyến	Viện trưởng Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc	Ủy viên Phản biện 1
4	TS. Lương Hùng Tiến	Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học - Công nghệ thực phẩm - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên	Ủy viên, Phản biện 2



TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐ
5	TS. Trần Xuân Hoàng	Trưởng Bộ môn Kỹ thuật canh tác chè, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chè, Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc	Ủy viên
6	ThS. Dương Sơn Hà	Phó Giám đốc - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên	Ủy viên
7	ThS. Tạ Đức Hiện	Phó Trưởng Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	Ủy viên

Thư ký hành chính: ThS. Nguyễn Văn Dân, Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

5. Đại biểu tham dự họp hội đồng:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Viện Khoa học Sự sống - Đại học Thái Nguyên
2	Bà Dương Thị Khuyên	Viện Khoa học Sự sống - Đại học Thái Nguyên
3	Ông Nguyễn Ngọc Tiến	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Bà Đào Thị Phương Thảo	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Ông Lê Đào Duy Thắng	Sở Khoa học và Công nghệ

6. Hội đồng nhất trí cử Ông Tạ Đức Hiện là thư ký khoa học của hội đồng.

B. Nội dung làm việc của hội đồng:

1. Ông Tạ Đức Hiện – Ủy viên, thư ký khoa học thông qua Quyết định số 223/QĐ-SKHCN, ngày 28/5/2026 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

2. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp, thống nhất nguyên tắc, chương trình làm việc.

3. Các uỷ viên phản biện trình bày nhận xét, các uỷ viên hội đồng nhận xét, đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn (*có chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

4. Thư ký khoa học ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản cuộc họp.

C. Bỏ phiếu đánh giá

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: Ông Tạ Đức Hiện.
- Thành viên: Ông Lưu Ngọc Quyên.
- Thành viên: Ông Trần Xuân Hoàng.

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong Biên bản kiểm phiếu và Bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu: 07/07 thành viên của Hội đồng đã bỏ phiếu, số điểm trung bình là **79 điểm**. Căn cứ kết quả bỏ phiếu, Hội đồng kiến nghị tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm sau đây trúng tuyển chủ trì đề tài nêu trên như sau:

Tên tổ chức: **Viện Khoa học Sự sống.**

Họ và tên cá nhân: **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn.**

D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng

1. Kiến nghị những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi (*có chi tiết tại Phụ lục kèm theo*):

(1) *Tên nhiệm vụ:* Không.

(2) *Mục tiêu nhiệm vụ:* Không.

(3) *Các nội dung chính thực hiện:* Sắp xếp, rà soát các nội dung bám theo các sản phẩm đặt hàng, trong đó làm rõ hơn cơ sở khoa học của việc kết hợp các chủng vi sinh vật.

(4) *Sản phẩm của nhiệm vụ:*

Rà soát theo đặt hàng, xem xét việc bổ sung sản phẩm sở hữu trí tuệ như: Giải pháp hữu ích hoặc sáng chế cho chủng vi sinh.

(5) *Số lượng chuyên gia cần thiết tham gia thực hiện:* Không.

(6) *Phương thức khoán chi:* Khoán chi từng phần

2. **Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ**

☒ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Kết luận của Hội đồng.

Hội đồng thống nhất các nội dung chính như sau:

- Tên đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ vi sinh trong nâng cao giá trị cây chè theo hướng nông nghiệp hữu cơ, bền vững.

- Mã số đề tài: ĐT/NN/24/2026.

- Thời gian thực hiện: 30 tháng.

- Căn cứ kết quả đánh giá, hội đồng nhất trí lựa chọn tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển và đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt:

+ Tên tổ chức chủ trì: **Viện Khoa học Sự sống.**

+ Họ và tên cá nhân chủ nhiệm: **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn.**

- Đề nghị Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài tiếp thu tối đa các ý kiến tham gia tại các phiếu nhận xét và ý kiến phát biểu của thành viên Hội đồng (tại phụ lục chi tiết kèm theo), trong đó có các nội dung chính như sau:

+ Làm rõ cơ sở khoa học của việc kết hợp các chủng vi sinh vật;

+ Lượng hóa đầy đủ mục tiêu, sản phẩm và chỉ tiêu nghiệm thu theo đặt hàng như: mật độ tế bào, số chủng vi khuẩn, khả năng kháng nấm, thời gian bảo quản, hiệu suất phân hủy,...

+ Bổ sung phương án chuyển giao, tiếp nhận, sản xuất, bảo quản, sử dụng và nhân rộng chế phẩm sau khi đề tài kết thúc.

+ Bổ sung chỉ tiêu đánh giá phân tích đất trước và sau xây dựng mô hình. Làm rõ Quy trình chăm sóc chè thâm canh trong mô hình áp dụng.

+ Bổ sung tính toán sơ bộ hiệu quả kinh tế của mô hình.

- Tổ chức chủ trì sửa lại thuyết minh, dự toán kinh phí cho phù hợp với yêu cầu của Hội đồng; bổ sung, làm rõ căn cứ lập dự toán, các định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng (nếu có), các tài liệu minh chứng cho việc lập dự toán.

Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh theo quy định./.

THƯ KÝ KHOA HỌC



ThS. Tạ Đức Hiện

**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ KH&CN
TS. Nguyễn Thị Thủy**



PHỤ LỤC
Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Kèm theo biên bản số 118/BB-QLKH ngày 04/6/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên)

TT	Ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng
1	Ủy viên Phản biện 1: TS. Lưu Ngọc Quyên
	1.1. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1: - Một số điểm trích dẫn chưa chính xác: Trang 4 tổng quan ghi: giá trị phụ thuộc chính vào dư lượng thuốc BVTV; Trích dẫn nghiên cứu của Nguyễn Hữu La, Nguyễn Văn Thiệp về sử dụng nấm Chaetomium có kết luận chưa rõ địa điểm lấy mẫu là chưa đúng. - Thêm nguyên lý của thuốc BVTV hóa học trong trừ nấm hại rễ. - Cần bổ sung thêm chủng nấm rễ hại chè còn do Nấm Lasiodiplodia theobromae: Thường cộng sinh cùng Rosellinia sp. gây nên hiện tượng chết loang cực kỳ nguy hiểm trong các nương chè. - Cần thêm nghiên cứu về sử dụng các loại thuốc sinh học trừ nấm như chế phẩm Trichoderma, Chaetomium. - Với tổng quan về sản xuất chè Thái Nguyên cần chỉnh sửa: + Giá bán chè Thái Nguyên trung bình 1.750 USD/tấn là không đúng, đây là giá xuất khẩu trung bình của chè Việt Nam. + Thêm thông tin: Thái Nguyên quản lý hơn 45 mã vùng trồng với gần 200 ha được cấp mã số đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của EU. + Tại Thái Nguyên đã có thông tin cơ bản về bệnh thối rễ chè do Fusarium sp., (Đinh Văn Đức, 2000 -Báo Nông nghiệp Việt Nam số 50- 20/4/2000); hay do Armillaria sp., gây ra (Trang trao đổi thông tin và kinh nghiệm tạp chí BVTV số 5/2001, tác giả Đặng Vũ Thị Thanh và CS). - Viện Khoa học sự sống cũng cần có trích dẫn kết quả bước đầu thực hiện đề tài “Khai thác và phát triển nguồn gen 02 chủng vi sinh vật Bacillus thuringiensis và Streptomyces amritsarensis trong phòng chống sâu bệnh cho cây chè tại tỉnh Thái Nguyên” - Tổng quan cần làm rõ đề tài nghiên cứu giải quyết tồn dư của thuốc BVTV trong đất hay trong sản phẩm, hay cả 2. - Tổng quan cần thêm nguyên lý và các nghiên cứu đã có về việc sử dụng và sản xuất Chế phẩm vi sinh vật hỗn hợp vừa trừ nấm hại rễ chè, vừa xử lý tồn dư thuốc BVTV để làm cơ sở cho thực hiện nội dung 3. - Lặp ý ở nhiều chỗ: VD giá bán 1.750 usd/tấn. - Cần kết cấu lại tổng quan: + Tình hình sản xuất chè Việt Nam, trong đó có Thái Nguyên; những yêu cầu của thị trường đòi hỏi giảm hoặc loại bỏ thuốc BVTV hóa học. + Tình hình sử dụng thuốc BVTV và những hệ lụy. + Các bệnh hại rễ chè và loại nấm gây bệnh; Nguyên lý hoạt động của vi sinh vật đối kháng trừ bệnh hại rễ, những nghiên cứu đã có. + Những hoạt chất hóa học tồn dư của thuốc BVTV, cần làm rõ trong đất và trong



TT	Ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng
	sản phẩm, nguyên lý phân hủy tồn dư của chủng vi sinh vật và những nghiên cứu đã có. + Những nghiên cứu của đơn vị làm cơ sở khoa học cho việc thực hiện đề tài (chủng nấm đối kháng, phương pháp,...) * Tính cấp thiết: Viết lại tính cấp thiết: không lan man giải thích tác hại của sử dụng thuốc BVTV (vì đã có trong tổng quan) mà cần làm rõ thêm có thể sử dụng sử dụng vi sinh vật để giải quyết tồn dư thuốc BVTV và nấm hại rễ 1.2. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2: Những nội dung cần bổ sung và làm rõ: - Tên nội dung nghiên cứu không dùng từ “Xác định”, đây là mục tiêu. - Nội dung 1: + Xem lại các vật liệu, công thức của công việc 1.5: cần nêu rõ chủng nấm gây bệnh sẽ sử dụng để gây bệnh nhân tạo; Viết rõ đánh giá hiệu lực của 10 chủng nấm tiềm năng với từng chủng nấm hại hay tổ hợp 2-3 chủng nấm hại. Nếu sử dụng 1 chủng nấm hại thì không cần công thức 3, nếu sử dụng nhiều chủng nấm thì phải thiết kế lại các công thức thí nghiệm (mỗi chủng nấm đối kháng đi với 1 chủng nấm gây bệnh); không cần CT 1 (không có tác động gì); không rõ CT 4 là gì. + ND công việc 1.6: cần làm rõ tổ hợp 2-3 chủng nấm hại là gì, thiết kế 1 tổ hợp hay nhiều tổ hợp nấm hại; cần thêm công thức so sánh với thuốc BVTV sinh học thương mại (nấm Tricoderma). + Nội dung 1 cần vẽ sơ đồ các bước thực hiện - Nội dung 4 (xây dựng mô hình kiểm chứng): + Cần nêu rõ phương pháp lấy mẫu trên mô hình để đánh giá hiệu quả chế phẩm (CV 4.1). + Tách chỉ tiêu đánh giá hiệu quả nông học của mô hình ra thành nhóm chỉ tiêu riêng (hiện đang để lẫn trong đánh giá chỉ tiêu xử lý bệnh, thuốc của chế phẩm); thêm hiệu quả kinh tế. - Cần xây dựng thành 4 nội dung như sau: 1) Nghiên cứu xác định chủng vi sinh vật trừ nấm hại rễ chè: - Điều tra xác định các chủng nấm gây bệnh hại rễ chè và định danh. - Xác định chủng vi sinh vật đối kháng và tuyển chọn được chủng có hiệu lực cao. 2) Nghiên cứu chủng vi sinh vật phân hủy tồn dư thuốc BVTV: - Thêm: Điều tra đánh giá dư các hoạt chất thuốc BVTV trong đất. - Đánh giá hiệu quả xử lý tồn dư thuốc BVTV trong đất của 6 chủng vi sinh vật tác giả đã làm: Có thể kiểm chứng lại 6 chủng vi sinh vật này hoặc thiết kế thí nghiệm sử dụng phối hợp với chủng nấm đối kháng hại bệnh để làm cơ sở cho sản xuất chế phẩm tổ hợp “CP1+CP2” 3) Nghiên cứu sản xuất thử chế phẩm: - Nghiên cứu sản xuất Chế phẩm vi sinh vật trừ nấm hại rễ chè.

TT	Ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng
	- Nghiên cứu sản xuất Chế phẩm vi sinh vật xử lý tồn dư thuốc BVTV trong đất (kế thừa) - Sản xuất tổ hợp “CP1 + CP2” 4) Xây dựng mô hình kiểm chứng: 1.3. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3: Viết lại sản phẩm dạng III: + Chế phẩm sinh học tổ hợp: không chỉ thành phần CP mà là hiệu quả chế phẩm, tương tự nêu hiệu quả của HT-Biogreen (trong nước) và TALC (ngoài nước) để so sánh hiệu quả chế phẩm của mình cần đạt. + Cần đổi tên sản phẩm “chế phẩm sinh học tổng hợp” thành “chế phẩm sinh học tổng hợp phòng chống bệnh thối rữa hại chẻ và phân huỷ một số thuốc BVTV tồn dư trong đất” để tránh nhầm lẫn các chế phẩm sinh học khác. + Chủng nấm gây bệnh thối rữa hại chẻ: không đặt mục tiêu 2-3 chủng được định danh mà ghi là “định danh được các loài hại chính gây ra bệnh thối rữa hại chẻ tại Thái Nguyên” vì phụ thuộc vào kết quả điều tra, lấy mẫu. + Hiệu quả mô hình cần có 3 nhóm: giảm bệnh do nấm hại rữa, giảm tồn dư BVTV, hiệu quả sản xuất (năng suất, chất lượng, HQKT) - Viết lại phần trình độ khoa học của sản phẩm (22.2, 22.3): cần nêu hiệu quả sản phẩm so với các sản phẩm tương tự đã có trong và ngoài nước, VD: so với HT-Biogreen (trong nước) và TALC, thuốc trừ bệnh sinh học Tricoderma, Ketomium. 1.4. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4: Thuyết minh đã nêu được khả năng thị trường của sản phẩm, phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu. Tuy nhiên Mục 23 đang viết chung, chưa cụ thể về khả năng thương mại, áp dụng của sản phẩm. Có thể đưa ra những việc cần làm để thương mại sản phẩm. 1.5. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5: Đề nghị kinh phí nghiên cứu cần bám sát vào các quy định của các cấp quản lý.
2	Ủy viên Phản biện 2: TS. Lương Hùng Tiến
	2.1. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1: - Tổng quan đã đề cập khá rộng đến sản xuất chẻ, tồn dư thuốc BVTV, tác nhân nấm bệnh thối rữa và vai trò của vi sinh vật có lợi. Tuy nhiên, phần tổng quan còn dàn trải; một số nội dung về hoạt chất sinh học trong chẻ chưa gắn trực tiếp với mục tiêu tạo chế phẩm vi sinh. - Cần làm rõ hơn khoảng trống khoa học: loại thuốc BVTV tồn dư mục tiêu, tác nhân nấm bệnh đích, điều kiện đất chẻ đặc thù và lợi thế của chế phẩm tổ hợp so với sản phẩm thương mại hiện có. 2.2. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2: - Cần cụ thể hóa thiết kế thí nghiệm: danh mục 4-6 hoạt chất thuốc BVTV; phương pháp định danh chủng bằng hình thái, sinh hóa và sinh học phân tử; kiểm tra an toàn sinh học, độc tính và nguy cơ cơ hội gây bệnh; thử nghiệm tương thích giữa 8-9 chủng trong cùng chế phẩm.

TT	Ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng
	- Cần nêu rõ kỹ thuật phân tích tồn dư trong đất và chè khô, giới hạn phát hiện/định lượng, đơn vị thực hiện; đối với mô hình đồng ruộng cần bổ sung lô đối chứng, số lần lặp, phương pháp lấy mẫu đất - rễ - chè khô theo thời gian và phương pháp xử lý thống kê. 2.3. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3 - Cần chuẩn hóa thêm chỉ tiêu chất lượng chế phẩm: độ ẩm, tạp nhiễm, mật độ từng nhóm/chủng, độ đồng đều lô sản xuất, hướng dẫn sử dụng, liều lượng, tần suất bón, điều kiện bảo quản, thời hạn sử dụng, hồ sơ công nhận quy trình và phương án đăng ký/tiêu chuẩn cơ sở. - Chỉ tiêu “năng suất, chất lượng > sản xuất đại trà” cần lượng hóa bằng tỷ lệ tăng năng suất, chỉ tiêu chất lượng chè búp/chè khô và mức giảm tồn dư so với đối chứng. 2.4. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4: Phương án thị trường và chuyển giao cần làm rõ hơn: địa chỉ tiếp nhận công nghệ, doanh nghiệp/HTX tham gia mô hình, trách nhiệm vận hành sau nghiệm thu, giá thành dự kiến/kg chế phẩm, chi phí sử dụng/ha, so sánh với giải pháp hiện hành, điều kiện nhân rộng và chiến lược sở hữu trí tuệ/đăng ký sử dụng. 2.5. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5: - Cần rà soát kỹ dự toán cho các hạng mục phân tích dư lượng thuốc BVTV, định danh chủng, giải trình tự/kiểm tra an toàn sinh học, sản xuất thử ở quy mô 200 kg/mẻ, vật tư mô hình và chi phí theo dõi 12 tháng bảo quản. - Kế hoạch nên bổ sung các mốc kiểm soát trung gian: hoàn thành bộ chủng, nghiệm thu công thức phối trộn, đánh giá ổn định 3-6-9-12 tháng, triển khai mô hình theo mùa vụ và nghiệm thu chuyển giao. 2.6. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6: Cần bổ sung rõ hơn minh chứng thiết bị phân tích chuyên sâu: LC-MS/MS hoặc GC-MS/MS cho dư lượng thuốc BVTV, thiết bị định danh/giải trình tự, điều kiện lên men - sấy - phối trộn và kiểm soát chất lượng chế phẩm ở quy mô 200 kg/mẻ; nếu thuê ngoài cần ghi rõ đơn vị và chứng chỉ năng lực phân tích. Nhận xét, kiến nghị: - Yêu cầu nhóm thực hiện chỉnh sửa thuyết minh trước khi phê duyệt nhiệm vụ. Các nội dung bắt buộc cần làm rõ gồm: danh mục thuốc BVTV đích; tác nhân nấm bệnh đích và nguồn mẫu; tiêu chí tuyển chọn chủng; kiểm tra an toàn sinh học; phương pháp phân tích tồn dư; thiết kế mô hình đồng ruộng; tiêu chí chất lượng chế phẩm và hồ sơ chuyển giao. - Không nên đề mục tiêu sản phẩm ở mức mô tả chung. Cần lượng hóa năng suất, chất lượng chè, mức giảm bệnh, mức giảm tồn dư, chi phí sử dụng/ha, yêu cầu lưu mẫu và tiêu chí nghiệm thu độc lập. Với chế phẩm 8-9 chủng, cần đặc biệt kiểm soát tính tương thích giữa các chủng, tính ổn định mật độ từng chủng trong bảo quản và nguy cơ tạp nhiễm. - Về an toàn và pháp lý, cần cam kết không sử dụng các chủng vi sinh vật có nguy cơ cơ hội gây bệnh hoặc có yếu tố độc lực/kháng kháng sinh không kiểm soát. Các chủng đưa vào chế phẩm cần được định danh đến loài/chủng, lưu giữ mã số,

TT	Ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng
	có hồ sơ nguồn gốc, đánh giá an toàn sinh học và tuân thủ quy định về chế phẩm vi sinh dùng trong nông nghiệp.
3	Ủy viên: TS. Trần Xuân Hoàng
	3.1. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1: - Đề tài có tính khoa học và thực tiễn trong sản xuất chè hiện nay đặc biệt tại tỉnh Thái Nguyên, đáp ứng được yêu cầu đặt hàng. Tuy nhiên, mục luận giải 15.2 cần viết cụ thể hóa hơn và lý giải tại sao cần nghiên cứu 2 nội dung về phân giải tồn dư thuốc bảo vệ thực vật và bệnh nấm rữa. - Phân tổng quan nên bố cục lại và chỉ nêu phân tích những kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước về phân giải tồn dư thuốc bảo vệ thực vật và bệnh nấm rữa. Còn những phần khác không nên đưa vào như mục 15.1.1.1 Tóm lược về tình hình sản xuất chè và giá trị xuất khẩu chè trên thế giới; mục 15.1.1.2. Hoạt chất sinh học, tính chất dược lý và tiềm năng phát triển chè, Tóm lược tổng quan nước ngoài lại nêu về Việt Nam là không đúng. - Thực trạng sản xuất chè Thái Nguyên cần nêu 2 vấn đề nghiên cứu hiện nay về tồn dư thuốc bảo vệ thực vật và bệnh nấm rữa gây hại chiếm bao nhiêu % trong sản xuất, và tập trung nhiều nhất ở những vùng nào? Giống chè nào bị hại nhiều nhất? Cần nêu cụ thể, không nên nêu chung chung. Phân tổng quan trong và ngoài nước cần rút ra được những vấn đề cần nghiên cứu để đưa vào phần nội dung nghiên cứu của đề tài. - Ngoài ra cần rà soát và căn chỉnh lại font chữ cho cùng định dạng như trang 15 của Thuyết minh đề tài 4.2. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2: - Nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng của đề tài nêu ở mục 17 đã phù hợp với các nội dung nghiên cứu của đề tài. Tuy nhiên, cần chỉnh sửa lại cho phù hợp: + Nội dung nghiên cứu ở mục 17 cần viết thành 2 mục: 17.1. Nội dung thực hiện (liệt kê các nội dung thực hiện của đề tài); 17.2. Các bước nội dung cần thực hiện (nêu cụ thể từng nội dung nghiên cứu của đề tài). + Các nội dung nghiên cứu cần bổ sung địa điểm thực hiện và thời gian nghiên cứu. Tên các nội dung cần chỉnh sửa lại cho phù hợp với nội dung của đề tài, không nên viết ngắn quá ví dụ như nội dung 4: Xây dựng mô hình,... + Công việc 1.5 và 1.6. thử nghiệm trong chậu vại cần bổ sung quy trình chăm sóc chè trong thời gian thử nghiệm, có bón phân không? Cần xem lại. Bổ sung cách xử lý đất trồng chè sạch sâu bệnh, lấy đất ở đâu? + Giống chè thử nghiệm và xây dựng mô hình là giống chè gì? Cần bổ sung thêm. + Xây dựng mô hình cần viết lại cho phù hợp, với xây dựng mô hình không còn nghiên cứu. Bổ sung chỉ tiêu đánh giá phân tích đất trước và sau xây dựng mô hình. Quy trình chăm sóc chè thâm canh trong mô hình áp dụng quy trình nào? - Phương án phối hợp: Cần xem lại tổ chức phối hợp phải là các doanh nghiệp/Công ty hoặc có thể là địa phương nên triển khai đề tài. Cần viết cụ thể khả năng đóng góp nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng,....

TT	Ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng
	4.3. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3: Cần rà soát lại các sản phẩm khoa học và công nghệ theo đặt hàng, chẳng hạn sản phẩm dạng II chỉ có 01 sản phẩm theo yêu cầu và không phải 2 sản phẩm là quy trình. Các sản phẩm khác cần xem lại. 4.4. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4: Các phần ở mục 23 – 25 cần nêu cụ thể hơn để thấy được thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra, phương án chuyển giao,.... 4.5. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5: Cần bổ sung các thông tư định mức kinh tế kỹ thuật trong xây dựng dự toán kẹp vào Thuyết minh.
4	Ủy viên - ThS. Dương Sơn Hà
	4.1. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1: Mới đề cập mục tiêu chung, đề nghị bổ sung mục tiêu cụ thể của đề tài theo yêu cầu đặt hàng nhiệm vụ khoa học tại Quyết định 602/QĐ-UBND. Nội dung nghiên cứu của đề tài là kế thừa 6 chủng vi khuẩn đã nghiên cứu, có khả năng phân hủy thuốc BVTN và kết hợp với 2-3 chủng vi khuẩn tuyển chọn mới với đặc tính kháng nấm gây bệnh thối rễ chè, tạo ra chế phẩm vi sinh tổ hợp, kết quả nghiên cứu là hết sức cần thiết cho sản xuất chè của tỉnh Thái Nguyên hiện nay. 4.2. Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4: Đề nghị rà soát dự toán chi tiết đảm bảo chi phí theo đúng định mức và quy định pháp luật.
5	Ủy viên - Thư ký khoa học: ThS. Tạ Đức Hiện
	- Hiện nay tỉnh Thái Nguyên đang triển khai một số nhiệm vụ liên quan đến sản phẩm chế phẩm vi sinh vật, các chủng vi sinh vật... Tổ chức chủ trì, Ban chủ nhiệm đề tài cần nghiên cứu xem xét đánh giá có trùng lặp hay không? - Khả năng thương mại hóa chưa rõ với đơn vị phối hợp, đề nghị làm rõ hơn vai trò của đơn vị phối hợp trong phát triển, thương mại hóa sản phẩm. - Đề nghị đăng ký quyền sở hữu trí tuệ (giải pháp hữu ích hoặc sáng chế) đối với sản phẩm để cụ thể được kết quả nghiên cứu. - Đề nghị bổ sung phân tích cơ sở khoa học việc kết hợp 06 chủng vi sinh từ nhiệm vụ cấp nhà nước, đối với 2-3 chủng vi sinh vật mới hiệu quả tăng-giảm khi kết hợp - Phần dự toán cần làm rõ hơn kinh phí nguồn đối ứng đặc biệt là việc thương mại hóa sản phẩm với đơn vị phối hợp, nên bố trí đối ứng nguồn vật tư, hóa chất sẵn có của đơn vị - Đề nghị đánh giá hiệu quả kinh tế, tính toán chi phí sản xuất; so sánh với một số sản phẩm có sẵn trên thị trường có tính chất tương đương. - Rà soát lại lỗi trình bày văn bản.
6	Phó Chủ tịch Hội đồng: TS. Nguyễn Thị Thủy
	<i>Thứ nhất</i> , mục tiêu và sản phẩm cần lượng hóa rõ hơn, bám sát từng chỉ tiêu đặt

TT	Ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng
	hàng để thuận lợi cho nghiệm thu. <i>Thứ hai</i>, cần bổ sung căn cứ lựa chọn 4-6 loại thuốc bảo vệ thực vật nghiên cứu phân hủy; không nên lựa chọn chung chung hoặc chỉ dựa trên điều kiện phòng thí nghiệm mà thiếu căn cứ thực tiễn sử dụng trong sản xuất chè tại Thái Nguyên. <i>Thứ ba</i>, cần làm rõ tiêu chí “năng suất, chất lượng cao hơn sản xuất đại trà”: cao hơn bao nhiêu, so sánh với đối chứng nào, đánh giá bằng chỉ tiêu gì, ai xác nhận. <i>Thứ tư</i>, cần bổ sung tiêu chí đánh giá chất lượng chè, gồm chỉ tiêu cảm quan, hóa sinh, an toàn thực phẩm và tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong chè khô theo tiêu chuẩn hiện hành. <i>Thứ tư</i>, cần rà soát thuật ngữ chuyên môn, tên chủng vi sinh vật, tên hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, đơn vị tính, bảng biểu và lỗi trình bày trong phụ lục dự toán để bảo đảm tính chính xác, thống nhất.

THƯ KÝ KHOA HỌC

(Họ, tên và chữ ký)



ThS. Tạ Đức Hiện